

Bài 54 LUYỆN TẬP CHUNG (2 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kĩ năng

- Đọc, viết được các số có ba chữ số.
- Nắm được cấu tạo của số có ba chữ số.
- Viết được số có ba chữ số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.
- So sánh được các số có ba chữ số.
- Nắm được thứ tự của các số trong phạm vi 1 000.

Phát triển năng lực

- Qua hoạt động diễn đạt, trả lời câu hỏi (bằng cách nói hoặc viết) mà GV đặt ra sẽ giúp HS phát triển năng lực giao tiếp toán học.
- Qua giải các bài tập có tình huống, HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 2.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Cùng cố

Tiết 1. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: HS nắm được cách đọc, viết số có ba chữ số; so sánh và sắp xếp các số có ba chữ số.

Bài 1: Cùng cố kỹ năng đọc, viết số có ba chữ số.

GV cho HS làm bài (tìm số thích hợp với dấu “?” theo mẫu) rồi chữa bài.

Bài 2: Cùng cố kỹ năng biểu diễn các số trên tia số, so sánh các số có ba chữ số.

– Bên cạnh việc xác định tính đúng, sai của từng câu, GV có thể yêu cầu HS sửa những câu sai thành câu đúng. Ví dụ câu a có thể sửa thành “Ảnh thẻ của Mai che số bé nhất” hoặc “Ảnh thẻ của Rô-bốt che số lớn nhất”.

– Mở rộng, GV có thể hỏi: “Ảnh thẻ của Nam hay của Việt che số bé hơn?”

Bài 3: Cùng cố kỹ năng xác định số liền trước, số liền sau của một số.

– HS cần đọc kỹ câu hỏi vì có sự đảo ngữ trong câu hỏi.

– Kết quả: a) 679; b) 1 000; c) 600; d) 799.

Bài 4: Cùng cố kỹ năng so sánh các số có ba chữ số.

GV có thể in thành phiếu rồi cho HS tô màu sau đó trả lời các câu hỏi của bài toán.

Bài 5: Cùng cố kỹ năng so sánh các số trong phạm vi 1 000.

Các số được gắn lên các giỏ quả. HS có thể liên hệ kết quả so sánh với hình ảnh đầy, vơi của các giỏ quả.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS cùng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: HS nắm vững cách so sánh các số có ba chữ số, viết một số có ba chữ số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.

Bài 1: Cùng cố kỹ năng viết một số có ba chữ số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.

GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Bài 2: Cùng cố kỹ năng viết một số có ba chữ số thành tổng các trăm, chục, đơn vị và so sánh các số có ba chữ số.

Hình ảnh minh họa các số gắn với đồ vật ở mỗi đĩa chính là cấu tạo của số dưới đĩa.

Bài 3: Củng cố kỹ năng so sánh các số có ba chữ số.

- Quan sát hai số được so sánh có cùng số trăm và số đơn vị, vì vậy ta chỉ cần so sánh các số chục của chúng. Để số thứ nhất bé hơn số thứ hai thì số chục của số thứ nhất phải bé hơn số chục của số thứ hai, vậy ta có thể đặt vào đó các thẻ ghi chữ số lớn hơn 6, đó là thẻ số 7, 8 hoặc 9.
- Mở rộng: GV có thể thay dấu “<” trong bài thành dấu “=”, hoặc dấu “>” để HS tìm những thẻ số thích hợp đặt vào vị trí dấu “?”.

Bài 4: Ôn tập, củng cố về số bé nhất, số lớn nhất có ba chữ số (giống nhau và khác nhau).

- Kết quả: Số bé nhất có ba chữ số là 100;
Số lớn nhất có ba chữ số khác nhau là 987;
Số bé nhất có ba chữ số khác nhau là 102.

Bài 5: Củng cố kỹ năng so sánh hai số trong phạm vi 1 000.

- Mỗi khi gặp những ngã rẽ, Mai đều gặp hai số, ta cần so sánh hai số đó, tìm số lớn hơn và đi theo đường có ghi số lớn hơn.
- Mở rộng: “Nếu Mai đi theo con đường ghi số bé hơn tại mỗi ngã rẽ thì sẽ đến nhà Nam. Tìm nhà của Nam.”

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG